TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/06/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Ngô Văn Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2026/QĐXX-ST ngày 29 tháng 05 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/06/2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/03/2026, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã B, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn cả hai chuyển về sống tại thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống đến cuối năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau, mặc dù cả hai đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2025 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Anh chị có 1 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/10/2009. Hiện con chung, mạnh khỏe, phát triển bình thường, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm công ty tại khu công nghiệp V, V, Bắc Ninh thu nhập hàng tháng khoảng 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã B, tỉnh Bắc Ninh, đã được Tòa án thông báo, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Văn B không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn B vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/10/2009. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B, chị D không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị giải quyết về ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú tại xã B, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn, đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn B là bị đơn đã được Tòa án thông

báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Văn B không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã B, tỉnh Bắc Ninh) ngày 21 tháng 08 năm 2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại biên bản xác minh đối với địa phương (Bút lục 28) đã cho thấy cuộc sống vợ chồng chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn B có phát sinh mâu thuẫn và hiện cả hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại anh Nguyễn Văn B vẫn sinh sống tại địa phương nhưng do bận công việc nên ít khi có mặt ở nhà vào ban ngày.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo chị Nguyễn Thị D trình bày do anh chị hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại cả hai vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành các buổi hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn B đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/10/2009.

Quá trình giải quyết vụ án chị D đề nghị Tòa án giao chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn A. Anh B không đưa ra ý kiến quan điểm gì về con chung trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Lời khai của cháu Nguyễn Tuấn A có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị D nếu bố mẹ ly hôn.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu Nguyễn Tuấn A, xét thấy cần thiết giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn A là phù hợp nguyện vọng của cháu Nguyễn Tuấn A và phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh B, chị D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 27 ngày 01/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/10/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn B được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 27 ngày 01/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Bảo Đài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chấn **Chu Hồng Văn** **Giáp Thị Loan**

N¬i nhËn:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG xĐt xö s¬ thÈm
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái **Nguyễn Tiến Chỉnh** **Giáp Thị Loan**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến C, ông Nguyễn Hữu T.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C1**,** sinh năm 1994 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Ngô Thị C1 được ly hôn anh Đỗ Tuấn N.

2. Về con chung: Giao cho chị C1 nuôi con Đỗ Thị Minh L1, sinh ngày 03/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung, chị C1 không được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3..Về án phí: Chị Ngô Thị C1 phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 10/11/2021 theo biên lai thu số 0013380 xác nhận chị C1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiến Chỉnh **Nguyễn Thị Lự**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu T1

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Xuân C2.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

Nguyên đơn: Anh Văn Hóa T2, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị D2, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Văn Hóa T2 và chị Lưu Thị D2

2. Về án phí: Anh T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân Chung **Tạ Thị Thu Thủy**